

Phụ lục IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SEASPIMEX - VIETNAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32 /BC-TĐS-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐẶC SẢN
- Tên tiếng Anh: SPECIAL AQUATIC PRODUCTS JOINT-STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SEASPIMEX-VIETNAM
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0302598530, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 04 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 03 tháng 3 năm 2022.
- Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng (Một trăm lẻ tám tỷ đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 108.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 51/14 Hòa Bình, P. Tân Thới Hòa, Quận Tân Phú, Tp.HCM.
- Số điện thoại: (028) 37608215
- Số fax: (028) 37608213
- Website: www.seaspimex.com.vn
- Email: info@seaspimex.vnn.vn
- Mã cổ phiếu: SPV
- Quá trình hình thành và phát triển của Công ty:

Ngày 01/09/1983, Công ty Xuất nhập khẩu Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX VIETNAM) được hình thành trên cơ sở tách Phòng Kinh doanh của Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam (SEAPRODEX VIET NAM), đánh dấu bước phát triển lớn mạnh của Tổng Công ty Thủy sản nói riêng và Ngành thủy sản lúc bấy giờ nói chung.

Ngày 11/01/2002, Công ty Xuất nhập khẩu Thủy Đặc Sản hoàn tất thủ tục cổ phần hóa, được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX - VIETNAM).

Trải qua 38 năm hình thành và phát triển, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – (SEASPIMEX - VIETNAM) đã góp một phần không nhỏ cho ngành vào công cuộc đổi mới

đất nước. Với sự lớn mạnh của mình, Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản được nhà nước phong tặng “*Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới*” và được Tổng Công ty Thủy Sản Việt Nam chọn là đơn vị đầu tiên trong ngành về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty đã chủ động tự cân đối, tự trang trải nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ hoạch định những chiến lược đúng hướng nên việc sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng được mở rộng, cụ thể:

+ Ngày 01/09/2008, Nhà máy Bình Chánh đã đưa vào hoạt động với công suất hơn 15.000 tấn thành phẩm/năm.

+ Ngày 01/01/2011, Công ty chính thức trình diện bộ nhận diện thương hiệu mới cho tất cả các hạng mục: logo, các ấn phẩm văn phòng, trang web, bao bì cho toàn bộ sản phẩm...

Từ khi thành lập, Công ty luôn chú trọng tập trung vào chất lượng sản phẩm và phát triển các sản phẩm thủy hải sản giá trị gia tăng mới cho thị trường. Vì vậy, thương hiệu Seaspimex luôn tự hào được tin tưởng ở cả thị trường Việt Nam và quốc tế với phương châm “*Chất Lượng Tạo Nên Sự Khác Biệt*”

- Niêm yết: Cổ phiếu Công ty chưa niêm yết, hiện đăng ký giao dịch UPCOM.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Các ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

Stt	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản <i>Chi tiết: Sản xuất thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1080
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản <i>Chi tiết: Chế biến, đóng hộp thủy hải sản; dịch vụ bảo quản thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)</i>	1020 (Chính)
3	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê <i>Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Dịch vụ cho thuê nhà, kho, kho lạnh.</i>	6810

- Địa bàn kinh doanh: Sản phẩm Công ty phần lớn xuất khẩu sang các thị trường Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Á và tiêu thụ tại thị trường nội địa.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị: Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị Công ty (gồm 05 thành viên):

- | | |
|-----------------------|------------|
| - Ông Huỳnh An Trung | Chủ tịch |
| - Ông Trần Phước Thái | Thành viên |
| - Ông Diệp Nam Hải | Thành viên |

- Ông Đặng Thành Trung Thành viên
- Ông Bùi Tuấn Ngọc Thành viên (Miễn nhiệm TV HĐQT từ ngày 09/4/2021)
- Ông Lê Văn Hùng Thành viên (Bỏ nhiệm TV HĐQT từ ngày 09/4/2021)

Ban Kiểm soát Công ty (gồm 03 thành viên):

- Ông Phạm Văn Tranh Trưởng ban
- Bà Vũ Thị Hồng Gấm Thành viên
- Bà Nguyễn Kim Hậu Thành viên (Miễn nhiệm TV BKS từ ngày 01/9/2021)
- Ông Phạm Xuân Quang Thành viên (Bỏ nhiệm TV BKS từ ngày 01/9/2021)

Ban Điều hành Công ty gồm 04 thành viên:

- Ông Đặng Thành Trung Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Thi Phó Tổng Giám đốc
- Bà Nguyễn Kim Hậu Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm PTGD từ ngày 01/5/2021)
- Ông Trương Minh Thông Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Thủy Đặc sản bao gồm các phòng ban, phân xưởng, chi nhánh, địa điểm kinh doanh sau:

- Phòng Kế toán – Tài chính;
- Phòng Hành chính – Nhân sự;
- Phòng Kinh doanh Nội địa;
- Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu;
- Phòng Kế hoạch & Cung ứng vật tư nguyên liệu;
- Phòng Quản lý chất lượng và Nghiên cứu sản phẩm;
- Phòng Kho vận;
- Phòng Kỹ thuật – Cơ điện;
- Các phân xưởng sản xuất: Phân xưởng Cá Hồi, Phân xưởng Đồ Hộp, Phân xưởng Súc Sản, Phân xưởng Đông Lạnh.
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri

+ Địa chỉ: Xã An Thủy, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

+ Khuôn viên: 5.000m²

+ Công suất: 2.000 tấn/ năm

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất, chế biến các sản phẩm hải sản đông lạnh như tôm càng, bạch tuộc, đùi ếch...

- Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản tại Hà Nội

+ Địa chỉ : 101 TT Bộ Thủy Sản, Ngõ 20 Nguyễn Công Hoan, Q. Ba Đình, Hà Nội

+ Điện thoại : 024. 37711168 - 024. 37712498

+ Fax : 024. 37719431

3302
CÔ
CÔ
THỦ
PHỦ

Là đơn vị được ủy quyền quản lý, ký kết các hợp đồng và bán hàng cho thị trường từ Thành phố Vinh trở ra Bắc.

- Địa điểm kinh doanh: Nhà máy Chế biến thủy sản.

Địa chỉ : B23/63 Hoàng Phan Thái, xã Bình Chánh, huyện Bình Chánh,
Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (028) 37608215

Fax : (028) 37608213

Khuôn viên : 30.000m²

Công suất : 15.000 tấn/ năm

- Các công ty con, công ty liên kết: *Không có*

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh, đạt tỷ suất lợi nhuận tối ưu.

Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo Quy định của Nhà nước, thực hiện tốt các chính sách thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước.

Không ngừng nâng cao đời sống cho CB.CNV Công ty, thực hiện đầy đủ các chế độ theo quy định của pháp luật lao động (tham gia BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV...).

Đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho các cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Khai thác tối đa công suất các phân xưởng, tăng tính hiệu quả, đảm bảo phát triển bền vững, ổn định và lâu dài cho doanh nghiệp.

Hoàn thiện bộ máy quản lý theo chiều hướng tinh gọn và hiệu quả.

Tiếp tục cải thiện điều kiện thiết bị và áp dụng khoa học kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động.

Xây dựng và quảng bá hình ảnh Công ty, đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu, đầu tư cho hệ thống phân phối thị trường nội địa, giữ vững uy tín và chất lượng sản phẩm.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng):

Hưởng ứng và tích cực tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường. Thực hiện nếp sống văn minh, văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm, phòng chống lãng phí.

Tạo công ăn việc làm cho người lao động có thu nhập ổn định và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động.

Xây dựng quỹ mái ấm công đoàn, trợ cấp khó khăn cho người lao động bằng phương thức cho vay không tính lãi, cấp học bổng cho con CB.CNV học giỏi có hoàn cảnh khó khăn. Tổ chức thăm hỏi các CB.CNV khi ốm đau, thai sản và tặng quà cho CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn và dịp Tết Nguyên đán ...

5. Các rủi ro:

Nguồn nguyên liệu không ổn định, cạnh tranh thu mua nguyên liệu gay gắt trong khi Công ty đang thiếu hụt nguồn vốn lưu động, ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng kịp thời các đơn hàng của khách hàng.

Lực lượng lao động so với công suất của máy móc thiết bị đang bị thiếu hụt nghiêm trọng, hiện tại rất khó tuyển dụng do đặc thù của ngành chế biến thủy sản.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của dịch Covid-19 và sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ trên thị trường xuất khẩu lẫn Nội địa;

Máy móc thiết bị cũ, công suất thấp, chi phí sửa chữa vận hành cao, khó tuyển dụng công nhân trực tiếp sản xuất;

Nguồn nguyên liệu thủy hải sản ngày càng khan hiếm dẫn đến giá thành tăng, tỷ suất lợi nhuận giảm;

Tình hình tài chính của Công ty vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn vay, chi phí phòng chống dịch Covid cao, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận Công ty;

Sau hơn 10 năm hoạt động, cơ sở hạ tầng nhà máy tiếp tục xuống cấp hư hỏng, thường xuyên sửa chữa duy trì. Cơ quan chức năng giảm sản lượng khai thác nguồn nước cấp, kiểm tra chặt xử lý nước thải, khói thải... đã gây không ít khó khăn cho hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó việc hạn chế tải trọng đường dẫn vào công ty làm hạn chế lưu thông hàng hóa ra vào Công ty;

Thời gian giãn cách kéo dài và quy định về việc hạn chế đi lại đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định của lực lượng lao động. Một bộ phận lớn lao động trực tiếp nghỉ việc về quê, một bộ phận khác nghỉ việc riêng do không thu xếp được việc gia đình (trẻ nhỏ không được tới trường, cần người chăm sóc; học sinh cần hỗ trợ học trực tuyến...) Công ty đã cố gắng đưa ra các giải pháp thu hút lao động, cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí và tăng sản lượng;

Bộ máy tổ chức Công ty ổn định, lực lượng lao động gián tiếp được tổ chức tinh gọn, tập thể CB.CNV đoàn kết cùng hướng đến mục tiêu SXKD của Công ty.

Tuy nhiên, vượt qua tất cả những khó khăn, Ban Lãnh đạo, Điều hành Công ty đã kịp thời có giải pháp đúng đắn (Tổ chức sản xuất 3T trong thời gian giãn cách, tập trung thị trường nội địa...), chỉ đạo CB.CNV Công ty hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao, cụ thể kết quả thực hiện năm 2021 như sau: Doanh thu bao gồm doanh thu nội bộ đạt: 496,142 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban Điều hành:

Stt	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu CP (%)
1	Đặng Thành Trung	Nam	16/02/1979	Kỹ sư Điện, Điện tử	03/5/2019	TGĐ	0,00

2	Nguyễn Minh Thi	Nam	25/01/1982	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	01/6/2020	PTGD	0,00
3	Nguyễn Kim Hậu	Nữ	12/5/1984	Cử nhân Kinh tế	01/5/2021	PTGD	0,00
4	Trương Minh Thông	Nam	23/11/1981	Cử nhân Kinh tế	01/02/2020	KTT	0,00

- Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2021:

Ngày 01/5/2021: Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với Bà Nguyễn Kim Hậu.

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2021: 730 LĐ

+ Thu nhập BQ của người lao động/tháng: 5.800.000 đồng.

- Các chính sách đối với người lao động:

+ Duy trì được đội ngũ lao động lành nghề, đảm bảo thu nhập cho Người lao động, chi trả lương đủ và đúng hạn cho Người lao động. Thu nhập bình quân của Người lao động trong Công ty là 5,8 triệu đồng/người/tháng.

+ Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV.

+ Hỗ trợ xe đưa rước CB.CNV ở xa nhà máy, hỗ trợ tiền thuê nhà cho Công nhân ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty. Tặng quà sinh nhật, tổ chức tham quan nghỉ dưỡng....

+ Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

STT	Nội dung	ĐVT	Giá trị đầu tư (đồng)
1	Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	VNĐ	0
2	Đầu tư dài hạn khác	VNĐ	1.116.230.738
Tổng cộng		VNĐ	

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu thuần	342.035	355.324	3,89

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	379.331	441.176	16,30
Lợi nhuận khác	12.766	20.525	60,78
Lợi nhuận trước thuế	(1.124)	(221)	-
Lợi nhuận sau thuế	11.642	20.304	74,40
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	8.533	14.756	72,93
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:	62,28	36,59	-42,18
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

CHỈ TIÊU	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,01	1,10
<i>Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn</i>			
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,40	0,54
<i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) / Nợ ngắn hạn</i>			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	59,38	58,89%
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	146,17	143,25%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,07	1,27
<i>Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân</i>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,76	3,15
<i>Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân</i>			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)	%	2,25	3,34
<i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA)	%	2,40	4,23
<i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>			
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6,17	10,35
<i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 10.800.000 cổ phần
(Mười triệu tám trăm ngàn cổ phần).

Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/ cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Tính đến hết ngày 08/3/2022 (Danh sách do VSD cung cấp) Công ty có 404 cổ đông, trong đó cơ cấu cổ đông cụ thể như sau:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
A	Cổ đông trong nước	393	10.519.400	97,40
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0,00
2	Cổ đông Tổ chức	6	7.258.840	67,21
3	Cổ đông cá nhân	387	3.260.560	30,19
B	Cổ đông Nước ngoài	11	280.600	2,60
TỔNG CỘNG		404	10.800.000	100,00
Trong đó:				
+ Cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)		4	7.152.720	66,23
+ Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0 %				

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Quá trình tăng vốn của Công ty kể từ khi trở thành công ty cổ phần:

Ngày 15/04/2002, Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 với vốn điều lệ đăng ký ban đầu là 68.000.000.000 đồng.

Năm 2007, Công ty tăng vốn điều lệ từ 68.000.000.000 đồng lên 108.000.000.000 đồng, chi tiết:

- Vốn điều lệ trước phát hành: **68.000.000.000** đồng
- Vốn điều lệ sau phát hành: **108.000.000.000** đồng
- Hình thức phát hành: Phát hành thêm cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng

Phát hành thêm cổ phiếu

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Tỷ lệ phân bổ quyền: 30%
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/5/2007
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 204.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu thưởng

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 100.000 đồng/cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

- Tỷ lệ phân bổ quyền: 05%
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 15/5/2007
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 34.000 cổ phiếu

Phát hành cổ phiếu cho cổ đông lớn

- Số lượng cổ phiếu phát hành: 162.000 cổ phiếu
- Cơ sở pháp lý:
 - Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 27/04/2007 của Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản về việc tăng vốn;
 - Thông báo số 142/SPM ngày 16/05/2007 của HĐQT về việc triển khai phát hành cổ phiếu để tăng vốn;
 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302598530 thay đổi lần thứ 5.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không có giao dịch

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty năm 2021

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp;

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Nguyên liệu được sử dụng sản xuất và đóng gói SP trong năm 2021:

Nhà máy Bình Chánh : 5.641.871 kg

Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri : 298.641 kg

Tổng cộng : 5.940.512 kg

b) Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Điện	KWk	6.974.054	628.700	7.602.754
2	Dầu DO	Lít	2.700	6.000	8.700
3	Củi thanh cây	Kg	1.845.090	0	1.845.090

- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả
 c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này

6.4. Tiêu thụ nước

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục và khai thác nước ngầm.

Stt	Nguồn cung cấp nước	ĐVT	Nhà máy Bình Chánh	CN XNTS Ba Tri	Tổng cộng
1	Thủy cục	m ³	613	0	613
2	Khai thác nước ngầm	m ³	66.991	43.200	110.191

- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lượng cán bộ nhân viên tính đến thời điểm 31/12/2021: 760 người.

Thu nhập bình quân của người lao động/ tháng: 5.800.000 đồng.

- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty, xe đưa rước người lao động ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho công nhân ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp phòng dịch; Đăng ký và tổ chức tiêm ngừa vắc xin phòng Covid-19 đầy đủ theo quy định.

- c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình hoạt động của các lĩnh vực

a1) Về xuất khẩu:

- Hoạt động xuất khẩu trong năm 2021 gặp nhiều khó khăn do chi phí đầu vào tăng (5-10%), rào cản xuất khẩu vào thị trường EU, Mỹ, chi phí logistics tăng liên tục (tăng 4,5 lần so với năm 2020). Ngành hàng cá ngừ xuất khẩu vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn do chi phí bao bì và nguyên phụ liệu tăng, nhưng giá bán không thể đàm phán tăng giá với khách hàng. Tuy nhiên, Công ty đã nỗ lực duy trì các thị trường xuất khẩu và nhóm khách hàng truyền thống, tìm giải pháp tăng lợi thế cạnh tranh với các đối thủ trong nước, ngoài nước.

- Đối với thị trường Châu Âu, hàng hóa xuất khẩu tiếp tục gặp khó khăn do hàng xuất khẩu của Việt Nam vẫn cần thủ tục khai báo nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt; cơ quan quản lý Nhà nước siết chặt việc cấp chứng từ khai báo nguồn gốc nguyên liệu; Hiện Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ Quy chuẩn xuất khẩu để đáp ứng quy định ngày càng khắt khe của thị trường Châu Âu và Mỹ.

- Các thị trường xuất khẩu cho các ngành hàng còn lại cũng gặp nhiều khó khăn như: nguyên liệu ghe giá biến động liên tục theo tháng, sản lượng không ổn định dẫn tới các nhà cung cấp không cam kết sản lượng cho công ty. Năm 2021 thị trường đù ếch bắt đầu khởi sắc trở lại, tuy nhiên giá nguyên liệu biến động tăng từ cuối Quý III gây ra không ít khó khăn cho công tác bán hàng xuất khẩu.

- Sản lượng và giá trị tồn kho của Chi nhánh Ba Tri khá cao, đặc biệt là tồn kho đù ếch, Bạch tuộc từ quý III/2019, tuy Công ty đã từng bước xử lý giải quyết chào bán, nhưng do chênh lệch giảm giá hàng tồn kho nên làm tăng chi phí của Chi nhánh trong năm 2021.

a2) Về gia công:

- Hoạt động gia công vẫn được các khách hàng nước ngoài tín nhiệm. Tuy nhiên do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, Công ty phải tạm dừng hoạt động gia công từ cuối Quý II và Quý III để tập trung nguồn lực công nhân giải quyết các ngành hàng tự doanh có giá trị cao.

- Công ty tiếp tục điều chỉnh tăng giá gia công nước ngoài từ tháng 01/2021, đảm bảo hiệu quả của hoạt động gia công.

a3) Kinh doanh nội địa:

- Doanh thu kinh doanh nội địa trong năm 2021 đạt được 97,5 tỷ đồng tăng 147,8% so với kế hoạch, trong quý III cao điểm dịch bệnh doanh số tăng gấp 3 lần so với kế hoạch. Lợi nhuận vượt 155% kế hoạch năm.

- Phòng Kinh doanh nội địa tiếp tục mở rộng hợp tác với các kênh bán hàng hiện có, đẩy mạnh bán qua kênh Cholimexfood (doanh số đạt được 18,5 tỷ đồng tăng gấp 4 lần so năm 2020), tiếp tục tiết giảm chi phí trong lưu thông, phát triển các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm.

- Duy trì các sản phẩm chủ lực: cá xốt cà, cá ngừ đóng hộp, thịt đóng hộp, xúc xích tiết trùng; phát triển thêm các sản phẩm mới: dòng sản phẩm Cá saba, thịt xay, pate gan...

0302
CÔ
CÔ
THỦ
PHỤ

- Xây dựng mối quan hệ đối tác lâu dài với toàn bộ các siêu thị lớn. Tăng độ phủ hàng hóa của Công ty trên thị trường thông qua các kênh bán hàng tại các khu vực.

Năm 2021 là năm đối mặt rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Hội đồng quản trị đã theo sát diễn biến để có những định hướng nhằm giúp Ban Điều hành kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp, đặc biệt trong giai đoạn Công ty triển khai phương án 3T, để chủ động duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm đạt mục tiêu trọng tâm đề ra.

b) Tình hình hoạt động của các đơn vị:

b1) Nhà máy chế biến thủy sản Seaspimex:

- Trong năm 2021, tình hình giá nguyên liệu đầu vào các ngành hàng chủ lực ghe, cá ngừ biến động liên tục, Công ty chủ động điều tiết hiệu quả việc cung cấp để phù hợp nhu cầu sản xuất kinh doanh.

- Khai thác bền vững các thị trường xuất khẩu truyền thống, duy trì quan hệ chặt chẽ với nhóm khách hàng lâu năm.

- Tiếp tục củng cố hợp tác gia công với các khách hàng nước ngoài, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến nguồn lực sản xuất, vì vậy hoạt động gia công chưa đạt được mục tiêu năm 2021.

- Tổng sản lượng: 4.555,5 tấn. Trong đó:

+ Sản lượng sản xuất: 1.966,7 tấn.

+ Sản lượng gia công: 2.588,8 tấn.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

+ Doanh thu toàn Nhà máy: 416,34 tỷ đồng.

+ Doanh số xuất khẩu: 12,72 triệu USD.

+ Lợi nhuận đạt giá trị: 26,7 tỷ đồng.

b2) Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri:

- Năm 2021 Chi nhánh Ba Tri gặp rất nhiều khó khăn về nhân công do tình hình dịch bệnh và biến động giá nguyên liệu đầu vào.

- Sản lượng sản xuất: 521,1 tấn.

- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

+ Doanh thu thực hiện: 28,63 tỷ đồng.

+ Doanh số xuất khẩu: 0,67 triệu USD.

+ Lợi nhuận đạt giá trị: -7,56 tỷ đồng (trong đó chủ yếu lỗ hàng tồn kho: Bạch tuộc giảm giá trị 65%, ếch giảm giá trị 35%).

Tính đến thời điểm 31/12/2021, lượng hàng tồn kho tại Chi nhánh Ba Tri khoảng 50 tấn trong đó có khoảng 26 tấn càng ghe tồn kho từ việc bóc tách thịt đùi ghe cho Công ty đóng lon xuất khẩu. Tổng trị giá hàng tồn kho tương đương 10 tỷ đồng. Ban Điều hành sẽ chỉ đạo và giám sát công tác bán hàng tồn kho của XN Ba Tri trước 30/6/2022.

b3) Chi nhánh Hà Nội:

- Hoạt động theo mô hình giao chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, phòng Kinh doanh nội địa quản lý chỉ đạo trực tiếp.

- Kết quả kinh doanh năm 2021:

+ Doanh thu thực hiện: 11,82 tỷ đồng.

+ Lợi nhuận đạt giá trị: 1,29 tỷ đồng.

c) Kết quả thực hiện năm 2021:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	So sánh (%)	
					Kế hoạch	Cùng kỳ
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	334.3	345.20	406.49	117.8	121.6
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	10.4	11.00	12.15	110.4	116.8
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	1,976.30	2,173.90	1,966.72	90.5	99.5
3. Gia công	Tấn	3,070.40	3,223.90	2,588.79	80.3	84.3
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	13.5	16.50	26.64	161.5	197.3
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	37.10	81.20	28.63	35.3	77.2
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	1.10	3.50	0.67	19.0	60.5
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	602.70	620.80	521.10	83.9	86.5
3. Lợi nhuận	Tỷ đồng	(3.27)	1.50	(7.68)		
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	13.30	16.00	11.83	73.9	88.9
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	1.41	2.00	1.34	67.1	95.2
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng Nhà máy và các Chi nhánh)						
1. Doanh thu	Tỷ đồng	384.70	442.40	446.94	101.0	116.2
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	11.50	14.50	12.81	88.4	111.4
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	2,579.00	2,794.70	2,487.82	89.0	96.5
3. Sản lượng gia công	Tấn	3,070.40	3,223.90	2,588.79	80.3	84.3
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	11.64	20.00	20.30	101.5	174.4

Doanh thu thực hiện năm 2021: đã loại trừ doanh thu nội bộ. Doanh thu bao gồm doanh thu nội bộ đạt: 486,165 tỷ đồng.

d) Các kiến nghị và giải pháp

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, triển khai các chương trình cải tiến nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển ít nhất 05 sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Cải tiến hiệu quả sản xuất, cắt giảm chi phí nhóm hàng Cá hộp nhằm đẩy mạnh công tác bán hàng xuất khẩu trong 2022.

- Duy trì hiệu quả kinh doanh sản phẩm Ghẹ đông lon XK thị trường Mỹ.

- Cho thuê một phần nhà xưởng Chi nhánh Ba Tri; Đẩy mạnh công tác gia công thịt ghẹ cung cấp cho Công ty và tập trung chào bán sản phẩm Ếch, Ghẹ cấp đông cho thị trường xuất khẩu.

- Giữ vững thị phần, tăng cường hoạt động tiếp thị thông qua các chương trình công cụ bán hàng để gia tăng thị phần, tăng tỷ trọng doanh thu nội địa trong tổng doanh thu toàn Công ty, đặc biệt tiếp tục đẩy mạnh hợp tác bán hàng với Cholimexfood và tập trung mở rộng việc bán hàng tại thị trường miền Bắc ngay từ đầu tháng 01/2022.

- Đầu tư thêm máy móc sản xuất mới nhằm nâng cao năng suất, thay thế lao động thủ công tại các công đoạn không cần thiết.

- Xây dựng kế hoạch thu hút nguồn lao động ngay từ đầu năm đáp ứng kịp thời khả năng gia tăng sản lượng sản xuất.

- Xây dựng các chương trình mục tiêu bán hàng cho Phòng Kinh doanh xuất khẩu nhằm mở rộng cơ hội bán hàng, tiếp cận thị trường.

2. Tình hình tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TỔNG HỢP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

DVT: VND

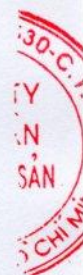
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		211,607,847,740	203,597,078,482
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	30,119,433,531	36,984,619,388
111	1. Tiền		26,119,433,531	36,984,619,388
112	2. Các khoản tương đương tiền		4,000,000,000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		69,625,320,005	37,077,845,971
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	73,321,895,104	39,609,297,829
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	7,795,838,236	11,007,738,732
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	7,569,457,194	5,536,721,093
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(19,061,870,529)	(19,075,911,683)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	107,710,237,899	123,698,532,082
141	1. Hàng tồn kho		107,710,237,899	123,698,532,082
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4,152,856,305	5,836,081,041
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	421,047,788	330,508,581
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3,731,770,525	5,443,020,979

153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		37,992	62,551,481
200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN		143,715,726,265	138,437,576,812
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn		300,000,000	300,000,000
216	1.	Phải thu dài hạn khác		300,000,000	300,000,000
220	II.	Tài sản cố định		124,161,793,428	134,190,084,585
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	V.8	104,404,819,186	113,926,855,065
222		- Nguyên giá		247,787,090,349	245,341,170,349
223		- Giá trị hao mòn lũy kế		(143,382,271,163)	(131,414,315,284)
227	2.	Tài sản cố định vô hình	V.9	19,756,974,242	20,263,229,520
228		- Nguyên giá		26,506,568,000	26,330,568,000
229		- Giá trị hao mòn lũy kế		(6,749,593,758)	(6,067,338,480)
230	III.	Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn		17,319,098,000	353,075,273
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	17,319,098,000	353,075,273
250	V.	Đầu tư tài chính dài hạn	V.11	1,116,230,738	1,116,230,738
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1,116,230,738	1,116,230,738
260	VI.	Tài sản dài hạn khác		818,604,099	2,478,186,216
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	818,604,099	2,478,186,216
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		355,323,574,005	342,034,655,294

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TỔNG HỢP) (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		209,250,311,118	203,094,669,183
310	I. Nợ ngắn hạn		192,303,614,080	202,060,669,183
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12a	37,653,652,800	40,699,259,603
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	7,353,299,582	5,816,466,779
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	5,597,782,114	3,027,435,112
314	4. Phải trả người lao động	V.15	16,936,427,327	15,823,657,759
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	2,525,440,741	1,398,687,410
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.17a	3,747,060,399	2,461,445,657
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.18	117,586,059,144	131,877,762,350
322	8. Lợi		903,891,973	955,954,513
330	II. Nợ dài hạn		16,946,697,038	1,034,000,000
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.12b		



				15,678,737,038	-
337	2.	Phải trả dài hạn khác	V.17b	1,267,960,000	1,034,000,000
400	D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU		146,073,262,887	138,939,986,111
410	I.	Vốn chủ sở hữu	V.19	146,073,262,887	138,939,986,111
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		108,000,000,000	108,000,000,000
411a		- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		108,000,000,000	108,000,000,000
411b		- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		10,800,000,000	10,800,000,000
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển		8,446,988,961	8,446,988,961
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		18,826,273,926	11,692,997,150
421a		- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4,586,429,690	3,688,159,853
421b		- LNST chưa phân phối kỳ này		14,239,844,236	8,004,837,297
430	II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		355,323,574,005	342,034,655,294

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh): Không phát sinh biến động tài sản và nợ phải thu quá hạn.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Không
 - Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Không

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, tiết kiệm chi phí.
 - Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới phù hợp với xu hướng tiêu dùng hiện đại.
 - Giữ vững thị phần, tăng cường marketing thúc đẩy phát triển thị trường nội địa.
 - Nâng cấp đầu tư máy móc thiết bị hiện đại nhằm nâng cao năng suất và thay thế lao động thủ công.
 - Tìm giải pháp và xây dựng kế hoạch để thu hút nguồn lao động phổ thông đáp ứng nhu cầu gia tăng sản xuất của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a) Thuận lợi và khó khăn

a1) Thuận lợi:

- Chất lượng các sản phẩm hàng hóa được duy trì ổn định, khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao, không có bất kỳ khiếu nại hay sự cố làm ảnh hưởng uy tín, mối quan hệ hợp tác của các bên.

- Hoạt động gia công tiếp tục được các nhóm khách hàng tin cậy, công tác quản lý chất lượng luôn luôn được cải tiến, nâng cao. Các khách hàng đều đã cam kết duy trì hợp tác lâu dài, tạo cơ hội mở rộng thêm các ngành hàng ủy thác gia công.

- Thị trường xuất khẩu và nội địa các sản phẩm đóng hộp giữ vững và tiếp tục khai thác, đẩy mạnh phát triển các mặt hàng mới đa dạng hóa sản phẩm.

- Bộ máy quản lý tiếp tục được củng cố, tinh gọn hiệu quả.

- Bộ phận quản lý sản xuất tiếp tục triển khai các chương trình cải tiến, hợp lý hóa công đoạn sản xuất, tiết kiệm nâng cao hiệu quả thu hồi.

a2) Khó khăn:

- Tình hình nguyên liệu đầu vào năm 2022 dự báo còn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh giá mua trên thị trường.

- Khó tuyển dụng lao động phổ thông, năng suất thấp, thiếu hụt lực lượng lao động được đào tạo.

- Nguồn vốn phục vụ cho sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc vào nguồn vốn vay.

- Cơ sở hạ tầng, công trình phụ trợ ngày càng xuống cấp, thường xuyên phát sinh chi phí bảo trì bảo dưỡng sửa chữa lớn, không có nguồn lực đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ khó đáp ứng kịp tốc độ gia tăng sản xuất.

- Tình hình dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp trong năm 2022, gây ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Từ nửa cuối năm 2021, hầu hết các nguyên liệu chính như cá ngừ, ếch, ghẹ đều tăng từ 10%, vật tư bao bì tăng từ 5-10%, chi phí vận chuyển logistics tăng rất cao làm giảm khả năng cạnh tranh của các ngành hàng xuất khẩu.

b) Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2022

Dự báo năm 2022, Công ty còn phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Chỉ tiêu kế hoạch cụ thể như sau:

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	
			Giá trị	So sánh KH/2021 (%)
I. NHÀ MÁY SEASPIMEX				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	406.49	475.00	116.9
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	12.15	16.10	132.5
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	1,966.72	2,170.00	110.3
3. Sản lượng gia công	Tấn	2,588.79	3,000.00	115.9
4. Lợi nhuận	Tỷ đồng	26.64	21.34	80.1
II. CHI NHÁNH XÍ NGHIỆP THỦY SẢN BA TRI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	28.63	30.00	104.8
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	0.67	1.30	195.8
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	521.10	550.00	105.5
3. Lợi nhuận	Tỷ đồng	(7.68)	1.33	
III. CHI NHÁNH HÀ NỘI				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	11.83	20.00	169.1

Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	
			Giá trị	So sánh KH/2021 (%)
2. Lợi nhuận	Tỷ đồng	1.34	1.33	99.1
IV. CÔNG TY SEASPIMEX (Tổng cộng các thành viên)				
1. Doanh thu	Tỷ đồng	446.94	525.00	117.5
Trong đó Doanh số XK	Triệu USD	12.82	17.40	135.8
2. Sản lượng sản xuất	Tấn	2,487.82	2,720.00	109.3
3. Sản lượng gia công	Tấn	2,588.79	3,000.00	115.9
4. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	20.30	24.00	118.2

c) Các kiến nghị và giải pháp

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức của Công ty nâng cao hiệu quả quản trị, triển khai các chương trình cải tiến nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Duy trì, phát triển những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển ít nhất 05 sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu thị trường.

- Cải tiến hiệu quả sản xuất, cắt giảm chi phí nhóm hàng Cá hộp nhằm đẩy mạnh công tác bán hàng xuất khẩu trong 2022.

- Duy trì hiệu quả kinh doanh sản phẩm Ghẹ đóng lon XK thị trường Mỹ.

- Cho thuê một phần nhà xưởng Chi nhánh Ba Tri; Đẩy mạnh công tác gia công thịt ghẹ cung cấp cho Công ty và tập trung chào bán sản phẩm Éch, Ghẹ cấp đông cho thị trường xuất khẩu.

- Giữ vững thị phần, tăng cường hoạt động tiếp thị thông qua các chương trình công cụ bán hàng để gia tăng thị phần, tăng tỷ trọng doanh thu nội địa trong tổng doanh thu toàn Công ty, đặc biệt tiếp tục đẩy mạnh hợp tác bán hàng với Cholimexfood và tập trung mở rộng việc bán hàng tại thị trường miền Bắc ngay từ đầu tháng 01/2022.

- Đầu tư thêm máy móc sản xuất mới nhằm nâng cao năng suất, thay thế lao động thủ công tại các công đoạn không cần thiết.

- Xây dựng kế hoạch thu hút nguồn lao động ngay từ đầu năm đáp ứng kịp thời khả năng gia tăng sản lượng sản xuất.

- Xây dựng các chương trình mục tiêu bán hàng cho Phòng Kinh doanh xuất khẩu nhằm mở rộng cơ hội bán hàng, tiếp cận thị trường.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Về tiêu thụ nước và năng lượng phục vụ cho quá trình sản xuất, Công ty luôn chú trọng sử dụng tiết kiệm.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty đã không ngừng nâng cao chất lượng đời sống cho CB.CNV, ngoài bữa cơm trưa và tăng ca theo quy định, Công ty còn tổ chức bữa ăn chiều cho CB.CNV Công ty,

xe đưa rước CNV ở xa, hỗ trợ tiền thuê nhà cho CN ngoại tỉnh. Tham gia Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể CB.CNV trong Công ty.

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB.CNV theo quy định.

- Thực hiện các biện pháp phòng dịch; Đăng ký và tổ chức tiêm ngừa vắc xin phòng Covid -19 đầy đủ theo quy định.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty hỗ trợ trao quà cho các hộ khó khăn tại địa phương vào dịp Tết Nguyên đán, đồng thời đóng góp ủng hộ các công tác văn hóa, xã hội khác cho địa phương khi có phát động phong trào.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1) Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Năm 2021 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh từ năm 2020 và cạnh tranh từ các đối thủ trên thị trường xuất khẩu lẫn nội địa.

- Tình trạng tuyển dụng công nhân sản xuất tiếp tục khó khăn.
- Chi phí đầu vào tăng từ giữa Quý II/2021, cụ thể:
 - + Nhóm vật tư bao bì carton tăng 5-10%;
 - + Nhóm vật tư bao bì nhựa tăng 7.5-10%;
 - + Nhóm vật tư bao bì vỏ lon ghẹ tăng 10%;
 - + Nhóm nguyên liệu Ếch, Ghẹ tăng từ 5-28%, tuy nhiên Công ty đã có dự phòng giá bán xuất khẩu theo từng giai đoạn cụ thể;
 - + Dầu nành sản xuất Cá hộp tăng trên 40% so với cùng kỳ;
 - + Cước tàu vận chuyển quốc tế tăng liên tục từ quý II/2021, đỉnh điểm quý IV/2021 tăng 450% và khan hiếm cont rỗng, gây khó khăn cho Công ty không thể xuất hàng đúng kế hoạch.
- Vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc 100% vào nguồn vốn vay.
- Trong giai đoạn cao điểm giãn cách của Chính quyền Thành phố, để duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty phải tổ chức cho người lao động thực hiện “3 tại chỗ” (3T) (số công nhân tham gia 3T chỉ chiếm 1/3 trên tổng số công nhân) với chi phí phát sinh trong Quý III khoảng 03 tỷ đồng, làm gia tăng chi phí trong năm.
- Sau 13 năm hoạt động, cơ sở hạ tầng nhà xưởng tiếp tục xuống cấp hư hỏng, máy móc cần phải đại tu sửa chữa lớn để duy trì hoạt động. Cơ quan quản lý cắt giảm sản lượng khai thác nguồn nước ngầm, kiểm tra chặt xử lý nước thải, khói thải... đã gây trở ngại cho hoạt động sản xuất.

- Bên cạnh những khó khăn khách quan nêu trên, Ban Điều hành Công ty đã rất nỗ lực, quyết tâm cao trong mọi công việc để vượt qua khó khăn, thách thức. Trong năm 2021, công tác phát triển các sản phẩm mới, Công ty triển khai đạt hiệu quả cao, cụ thể đã nghiên cứu và đưa ra thị trường Nội địa nhiều sản phẩm Đồ hộp có chất lượng và phù hợp thị hiếu

người tiêu dùng, trong đó 02 sản phẩm đóng góp doanh số chiếm 13.85% tổng doanh thu Nội địa 13,5 tỷ đồng (Cá Saba sốt sriracha 7,3 tỷ đồng, thịt xay cao cấp 6,2 tỷ đồng).

- Công ty đã cố gắng tìm các giải pháp thu hút lao động, cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất để tiết giảm chi phí và tăng sản lượng, từ đó làm tăng hiệu quả của các dây chuyền sản xuất hàng gia công.

- Việc hợp tác với Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex (Cholimexfood) tăng trưởng đột phá, doanh thu bán hàng đạt 18.5 tỷ, tăng gần 400% doanh thu so với năm 2020.

- Việc hợp tác với Transimex trong công tác vận chuyển ngày càng phát triển, ổn định.

- Trong năm 2021, Công ty đã định biên nhân sự tinh gọn, hiệu quả. Tại Chi nhánh Xí nghiệp Thủy sản Ba Tri thực hiện giảm hơn 60% tổng số lao động gián tiếp (tương ứng 15 lao động).

2) Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Ban Điều hành đã tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao; chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hàng quý, 06 tháng và báo cáo năm về tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị; báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty.

- Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, quan tâm công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của cán bộ nhân viên Công ty.

3) Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

STT	Các thành viên	Doanh thu (tỷ đồng)	Xuất khẩu (triệu USD)	Sản xuất (tấn)	Gia công (tấn)
1	Nhà máy Seaspimex	475	16,1	2.170	3.000
2	Chi nhánh Ba Tri	30	1,3	550	
3	Chi nhánh Hà Nội	20			
Tổng cộng		525	17,4	2.720	3.000

Tổng lợi nhuận trước thuế toàn Công ty năm 2022: 24,0 tỷ đồng

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm			
1	Ông Huỳnh An Trung	Chủ tịch HĐQT	20/4/2019	-	-	-	-
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Thành viên HĐQT không điều hành	2005	09/4/2021	278.890	2,58	Cổ đông cá nhân
3	Ông Trần Phước Thái	Thành viên HĐQT không điều hành	14/5/2016	-	1.944.000	18	Đại diện vốn TCty TS VN
4	Ông Diệp Nam Hải	Thành viên HĐQT không điều hành	12/6/2020	-	-	-	-
5	Ông Đặng Thành Trung	Thành viên HĐQT	12/6/2020	-	-	-	-
6	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	09/4/2021	-	-	-	-

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên Hội đồng quản trị sẽ phụ trách một mảng hoạt động theo phân công của Hội đồng quản trị theo từng thời kỳ.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 13 cuộc họp định kỳ và đột xuất, trong đó có 03 cuộc họp trực tiếp, 01 cuộc họp trực tuyến và 09 cuộc họp gián tiếp để lấy ý kiến nhằm kịp thời hỗ trợ công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ và Quy chế Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đều dựa trên sự thống nhất của các thành viên và được lưu giữ theo đúng quy định.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh An Trung	13/13	100%	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	4/13	100%	Miễn nhiệm ngày 09/4/2021
3	Ông Trần Phước Thái	13/13	100%	

4	Ông Diệp Nam Hải	13/13	100%	
5	Ông Đặng Thành Trung	13/13	100%	
6	Ông Lê Văn Hùng	9/13	100%	Bổ nhiệm ngày 09/4/2021

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	13/21/NQ/TĐS/ HĐQT	22/2/2021	- Thống nhất việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. - HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT thực hiện ký và hoàn tất các hồ sơ thủ tục tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021. - Giao Ban TGD triển khai, thực hiện, tập hợp các nội dung liên quan đến tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.	5/5
2	17/21/QĐ/TĐS/ HĐQT	24/2/2021	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.	5/5
3	24/21/QĐ/TĐS/ HĐQT	18/3/2021	QĐ liên quan đến các giao dịch tín dụng ngân hàng.	5/5
4	25/21/NQ/TĐS/ HĐQT	18/3/2021	- Thông qua BC kết quả SXKD 2020. - Thống nhất kế hoạch SXKD 2021 của Ban TGD. - Thông qua nội dung tài liệu họp cho việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2021. - Thông qua Đoàn Chủ tọa dự kiến điều hành Đại hội gồm: 1. Ông Huỳnh An Trung 2. Ông Đặng Thành Trung - HĐQT tiếp nhận Đơn từ nhiệm TV HĐQT ông Bùi Tuấn Ngọc. - Thống nhất chủ trương bầu bổ sung 01 TV HĐQT nhiệm kỳ 2021 – 2026.	5/5
5	26/21/NQ/TĐS/ HĐQT	18/3/2021	Thống nhất vay bổ sung vốn lưu động năm 2021.	5/5
6	51/21/NQ/TĐS/ HĐQT	29/4/2021	Tiếp nhận và bổ nhiệm bà Nguyễn Kim Hậu giữ chức vụ Phó TGD Công ty.	5/5
7	54/21/NQ/TĐS/ HĐQT	18/5/2021	- Thống nhất Bà Đặng Thị Loan làm Thư ký Công ty thay bà Lâm Thị Thu Thảo kể từ ngày 19/5/2021. - Tiếp nhận đơn từ nhiệm TV BKS bà Nguyễn Kim Hậu.	5/5
8	55/21/NQ/TĐS/ HĐQT	18/5/2021	- Triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua. - HĐQT giao TGD triển khai thực hiện phương án phát hành. - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.	4/5
9	66/21/NQ-TĐS- HĐQT	11/6/2021	Thống nhất thông qua báo cáo số 245/2021/BC/TĐS/TGD về kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm, ước thực hiện tháng 6 và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2021.	4/5

10	67/21/NQ-TĐS-HĐQT	11/6/2021	- Thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 62/21/TTr-TĐS-HĐQT về việc điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án.	4/5
11	68/21/NQ-TĐS-HĐQT	11/6/2021	- Thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để phục vụ SXKD của Công ty. - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.	4/5
12	69/21/NQ-TĐS-HĐQT	11/6/2021	- Thông qua chủ trương lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để miễn nhiệm TV BKS nhiệm kỳ 2018- 2023 đối với bà Nguyễn Kim Hậu theo đơn từ nhiệm. - Ủy quyền cho HĐQT quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông 04/08/2021.	4/5
13	74/21/NQ-TĐS-HĐQT	15/7/2021	- Thông qua tờ trình số 72/21/TTr-TĐS-HĐQT về xin ý kiến bằng văn bản đề bầu bổ sung TV Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026. - Ủy quyền Chủ tịch HĐQT quyết định ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông, thời gian tổ chức lấy ý kiến, dự thảo nội dung lấy ý kiến tổ chức các công tác kiểm phiếu và quyết định các vấn đề liên quan khác theo đúng quy định phát luật.	5/5
14	80/21/NQ-TĐS-HĐQT	09/8/2021	- Thông qua Tờ trình miễn nhiệm TV Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023, quy chế và thông báo đề cử, ứng cử bổ sung TV BKS nhiệm kỳ 2021-2026.	5/5
15	87/21/NQ-TĐS-HĐQT	16/8/2021	- Thông qua Tờ trình số 85/21/TTr-TĐS-TĐS ngày 13/8/2021 về việc xin ý kiến bằng văn bản đề thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông.	5/5
16	88/21/NQ-TĐS-HĐQT	16/8/2021	- Thống nhất điều chỉnh nội dung điểm ghi chú mục 2, điều 1 của nghị quyết số 67/21/NQ-TĐS-HĐQT ngày 11/6/2021 của Hội đồng quản trị.	5/5
17	90/21/NQ-TĐS-HĐQT	18/8/2021	- Thống nhất điều chỉnh căn cứ ban hành của Nghị quyết 88/21/NQ-TĐS-HĐQT ngày 16/8/2021 của Hội đồng quản trị.	5/5
18	99/21/NQ-TĐS-HĐQT	01/9/2021	- Thông qua Tờ trình số 93/21-TTr-TĐS-HĐQT ngày 27/8/2021 về việc quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức năm 2020.	5/5
19	100/21/NQ-TĐS-HĐQT	01/9/2021	- Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - Xí nghiệp Thủy Sản Ba Tri đối với ông Đặng Thành Trung kể từ ngày 01/9/2021. - Bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Sung Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản – Xí nghiệp Thủy Sản Ba Tri giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản - Xí nghiệp Thủy Sản Ba Tri kể từ ngày 01/9/2021.	5/5
20	124/21/NQ-TĐS-HĐQT	02/11/2021	- Thông qua phương án sử dụng vốn từ đợt phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để phục vụ sản xuất kinh doanh của Cty. - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.	4/5

21	125/21/NQ-TĐS-HĐQT	02/11/2021	- Hội đồng quản trị đã xem xét các hồ sơ chuẩn bị cho việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, HĐQT nhất trí ban hành nghị quyết thông qua hồ sơ đăng ký phát hành nộp UBCKNN. - Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký các văn bản có liên quan và chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo, đảm bảo đúng quy định hiện hành.	4/5
22	126/21/NQ-TĐS-HĐQT	02/11/2021	- Miễn nhiệm chức danh Giám đốc Hành chính – Nhân sự Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản đối với bà Lâm Thị Thu Thảo kể từ ngày 01/11/2021. - Bổ nhiệm bà Đặng Thị Loan Trưởng Phòng Hành chính – Nhân sự Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản giữ chức vụ Giám đốc Hành chính – Nhân sự Công ty cổ phần Thủy Đặc Sản kể từ ngày 01/11/2021.	5/5
23	127/21/NQ-TĐS-HĐQT	02/11/2021	- Thống nhất báo cáo số 497/2021/BC/TĐS-TGD ngày 11/10/2021 về kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm và ước thực hiện 3 tháng cuối năm 2021.	5/5
24	134/21/NQ-TĐS-HĐQT	06/12/2021	- Thống nhất lựa chọn công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt (Vietvalues) làm đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Cty CP Thủy Đặc Sản. - Ủy quyền cho CT HĐQT thay mặt HĐQT ký văn bản gửi xin ý kiến BKS về thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập theo nội dung HĐQT thống nhất. - Giao TGD Công ty ký hợp đồng thuê dịch vụ kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2021 giữa Cty CP Thủy Đặc Sản và công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn Chuẩn Việt (Vietvalues) sau khi được BKS chấp thuận bằng văn bản.	5/5

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

đ) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát
Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS).

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Phạm Văn Tranh	Trưởng BKS	Ngày bắt đầu: 24/4/2018	Cử nhân Kinh tế	0	0
2	Bà Nguyễn Kim Hậu	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu: 2013 (Đơn xin từ nhiệm thành viên BKS ngày 29/4/2021)	Cử nhân Kinh tế	0	0
3	Bà Vũ Thị Hồng Gấm	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu: 24/4/2018	Cử nhân Kinh tế	0	0
4	Ông Phạm Xuân Quang	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu: 01/9/2021	Thạc sĩ Kế toán	0	0

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phạm Văn Tranh	3/3	100%	3/3	
2	Bà Nguyễn Kim Hậu	2/3	100%	3/3	Miễn nhiệm ngày 01/9/2021
3	Bà Vũ Thị Hồng Gấm	3/3	100%	3/3	
4	Ông Phạm Xuân Quang	1/3	100%	3/3	Bỏ nhiệm ngày 01/9/2021

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty và Ban Điều hành.

- Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh trong niên độ tài chính năm 2021 theo đúng pháp luật của nhà nước.

- Tham gia các buổi họp của HĐQT, xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc trong công tác quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (Vietvalues).

- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty, việc chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, bao gồm các nghĩa vụ thuế, chế độ bảo hiểm, quyền lợi cho người lao động và các nghĩa vụ tài chính khác.

- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

- Thù lao của Ban Kiểm soát trong năm 2021 là 132.000.000 đồng.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2021, Công ty đã chi trả tổng số thù lao công vụ cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT với tổng mức thù lao là 516.000.000 đồng (năm trăm mười sáu triệu đồng chẵn) theo nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua, cụ thể như sau:

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT năm 2021:

STT	Chức danh	Số người	Số tháng	Mức thù lao (đồng/tháng)	Tổng số tiền thù lao (đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	6.000.000	72.000.000
2	Thành viên HĐQT	04	12	6.000.000	288.000.000
3	Trưởng Ban Kiểm soát	01	12	5.000.000	60.000.000
4	Thành viên BKS	01	12	3.000.000	36.000.000
5	Thành viên BKS	01	8	3.000.000	24.000.000
6	Thư ký HĐQT	01	12	3.000.000	36.000.000
Tổng cộng					516.000.000

Thù lao của thành viên HĐQT, thành viên BKS, thư ký HĐQT năm 2021 là: **516.000.000 đồng (1)**

Báo cáo lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2021:

Năm 2021, Ban Điều hành Công ty bao gồm 04 thành viên trong đó có:

- 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm công việc điều hành của Công ty (kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty);

- 03 (ba) thành viên chuyên trách điều hành Công ty (02 Phó Tổng Giám đốc + 01 Kế toán trưởng);

- Năm 2021, Công ty đã thực hiện việc chi trả tiền lương, thưởng theo đúng quy chế tiền lương của Công ty cho Tổng Giám đốc với số tiền: 1.212.476.413 đồng (*một tỷ hai trăm mười hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm mười ba đồng*).

- Tổng mức lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2021 là: **2.994.685.679 đồng** (*hai tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng*) (2)

- Tổng mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thư ký HĐQT; Lương, thưởng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành Công ty năm 2021 là:

(1) + (2) = 3.510.685.679 đồng (*ba tỷ năm trăm mười triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn sáu trăm bảy mươi chín đồng*).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty CP Transimex	Người có liên quan với Thành viên HĐQT, BKS	0	0	2.160.000	20%	mua

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty CP Transimex	Cổ đông lớn	0301874259	172 (lầu 9-10) Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM,	08/5/2020	NQ số 08 /NQ-TĐS-HĐQT ngày 10/3/2022	Hợp đồng nguyên tắc về dịch vụ vận chuyển, Tổng giá trị theo thực tế sử dụng dịch vụ	Giao dịch thời điểm chưa là cổ đông lớn.
2	Công ty CP Thực phẩm Cholimex	Người có liên quan với Người nội bộ	0304475742	Lô C40-43/I, lô C51-55/II, đường số 7, KCN.Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, H. Bình Chánh, TP.HCM	16/12/2019		Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa	
3	Công ty CP Thực phẩm Cholimex	Người có liên quan với Người nội bộ	0304475742	Lô C40-43/I, lô C51-55/II, đường số 7, KCN.Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Lộc A, H. Bình Chánh, TP.HCM	01/4/2021		Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa	
4	Chi nhánh Công ty CP XNK và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) – Trung tâm Thương mại Cholimex	Người có liên quan với Người nội bộ	0301307933 -007	631 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5 TP.HCM	03/02/2020		Hợp đồng nguyên tắc về mua bán hàng hóa, Tổng giá trị theo thực tế từng đợt mua bán hàng hóa	

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ tốt về quản trị công ty để áp dụng phù hợp, mang lại hiệu quả.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính (tổng hợp) đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính (tổng hợp)".

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021 xin vui lòng xem tại trang web: www.seaspimex.com.vn (Trang Thông tin cổ đông → Báo cáo tài chính năm 2021).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Huỳnh An Trung